

THÔNG BÁO

V/v Công khai danh sách học viên được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I – Năm học 2023-2024

Căn cứ Quyết định số 2566/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND huyện Phú Lương về việc phê duyệt danh sách học viên Trung tâm GDNN-GDTX được hưởng chế độ chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I - Năm học 2023-2024.

Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện Phú Lương thông báo danh sách học viên được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I – Năm học 2023-2024 như sau:

- Học viên được miễn, giảm học phí: 37 học viên;
- + Học viên được miễn học phí: 22 học viên;
- + Học viên được giảm học phí: 15 học viên.
- Học viên được hỗ trợ chi phí học tập: 26 học viên.

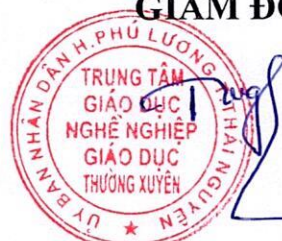
(Có Quyết định số 2566/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 và danh sách kèm theo)

Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện Phú Lương trân trọng thông báo.

Nơi nhận:

- Tổ GDTX;
- Tổ ĐTN-HN;
- Tổ HC-TH;
- Tổ Giáo vụ;
- Đăng Website TT;
- Lưu: TTGDNN-GDTX.

GIÁM ĐỐC



Trịnh Văn Tường

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh sách học viên Trung tâm GDNN-GDTX được hưởng chế độ chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập
Học kỳ I năm học 2023 - 2024**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND, ngày 29/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân năm học 2023 – 2024 thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý;

Căn cứ Hướng dẫn số 2598/HDLĐ-SGDĐT-STC, ngày 04/10/2023 của liên Sở Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính về việc triển khai thực hiện mức thu học phí, chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân năm học 2023-2024 thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 41/TTr-TTGDNN-GDTX, ngày 14/11/2023 của Giám đốc Trung tâm GDNN-GDTX huyện Phú Lương về việc đề nghị phê duyệt danh sách học viên được hưởng chế độ chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I năm học 2023-2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách học viên được hưởng chế độ chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I năm học 2023-2024, cụ thể như sau:

- Học viên được miễn, giảm học phí: 37 học viên;
- + Học viên được miễn học phí: 22 học viên;
- + Học viên được giảm 50% học phí: 15 học viên.
- Học viên được hỗ trợ chi phí học tập: 26 học viên.

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Giao Giám đốc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên có trách nhiệm thực hiện việc hỗ trợ cho học viên theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Phú Lương; Giám đốc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các học viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Lưu: VT, TTGDNN-GDTX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thúy Hằng

**DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024
TÍNH TỪ THÁNG 09 ĐẾN THÁNG 12 NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số: 2566/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2023 của UBND huyện Phú Lương)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Nơi cư trú	Tổng số đối tượng được miễn, giảm học phí	Trong đó:				Số tiền/tháng	Số tháng được hưởng	Tổng tiền	Ghi chú	
						Các đối tượng được miễn học phí			Đổi tượng được giảm 50%					
						Hộ nghèo	Con thương binh	Mồ côi						
I	Đối tượng được miễn học phí				22	21	0	1	0			3.960.000		
1	Phan Thị Hằng	2008	10A1	Ôn Lương, Phú Lương, Thái Nguyên	1	1					45.000	4	180.000	
2	Nguyễn Thành Long	2008	10A2	Ôn Lương, Phú Lương, Thái Nguyên	1	1					45.000	4	180.000	
3	Bùi Công Doanh	2008	10A2	Phù Lý, Phú Lương, Thái Nguyên	1	1					45.000	4	180.000	
4	Triệu Thị Mai Hoa	2008	10A3	Phúc Lương, Đại từ, Thái Nguyên	1	1					45.000	4	180.000	
5	Nguyễn Thị Hội	2008	10A4	Ôn Lương, Phú Lương, Thái Nguyên	1	1					45.000	4	180.000	
6	Nguyễn Phan Huân	2007	11A1	Ôn Lương, Phú Lương, Thái Nguyên	1	1					45.000	4	180.000	
7	Nhâm Anh Khôi	2007	11A1	Động Đạt, Phú Lương, Thái Nguyên	1	1					45.000	4	180.000	
8	Đoàn Thị Nguyệt	2007	11A2	Vô Tranh, Phú Lương, Thái Nguyên	1	1					45.000	4	180.000	
9	Hoàng Mạnh Dũng	2007	11A2	Ôn Lương, Phú Lương, Thái Nguyên	1	1					45.000	4	180.000	
10	Ma Anh Hoàng	2006	11A3	Hợp Thành, Phú Lương, Thái Nguyên	1	1					45.000	4	180.000	
11	Tổng Thị Hương Giang	2007	11A3	Phúc Lương, Đại từ, Thái Nguyên	1	1					45.000	4	180.000	
12	Nguyễn Thị Mai Thương	2007	11A4	Ôn Lương, Phú Lương, Thái Nguyên	1	1					45.000	4	180.000	
13	Nguyễn Thị Thùy Linh	2007	11A4	Phù Lý, Phú Lương, Thái Nguyên	1	1					45.000	4	180.000	
14	Hoàng Châm Anh	2007	11A4	Phán Mễ, Phú Lương, Thái Nguyên	1	1					45.000	4	180.000	
15	Triệu Thị Hoa	2007	11A4	Động Đạt, Phú Lương, Thái Nguyên	1	1					45.000	4	180.000	
16	Vũ Minh Hùng	2007	11A4	Thị trấn Đu, Phú Lương, Thái Nguyên	1	1					45.000	4	180.000	
17	Nguyễn Văn Hào	2007	11A5	Vô Tranh, Phú Lương, Thái Nguyên	1			1			45.000	4	180.000	
18	Phạm Hoàng Lâm	2007	11A6	Phán Mễ, Phú Lương, Thái Nguyên	1	1					45.000	4	180.000	
19	Lường Thị Yến Hạnh	2006	12A1	Yên Lạc, Phú Lương, Thái Nguyên	1	1					45.000	4	180.000	
20	Lý Minh Đức	2006	12A2	Hợp Thành, Phú Lương, Thái Nguyên	1	1					45.000	4	180.000	
21	Triệu Thị Diễm	2006	12A2	Ôn Lương, Phú Lương, Thái Nguyên	1	1					45.000	4	180.000	
22	Trần Cẩm Vân	2006	12A2	Ôn Lương, Phú Lương, Thái Nguyên	1	1					45.000	4	180.000	

Phạm Thị Hằng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Nơi cư trú	Tổng số đối tượng được miễn, giảm học phí	Trong đó:				Số tiền/tháng	Số tháng được hưởng	Tổng tiền	Ghi chú	
						Các đối tượng được miễn học phí			Đối tượng được giảm 50%					
						Hệ nghèo	Con thương binh	Mở côi						
II Đối tượng giảm 50% học phí						15	0	0	0	15			1.350.000	
1	Liêu Thị Hồng Hạnh	2006	10A1	Phù Lý, Phú Lương, Thái Nguyên	1					1	22.500	4	90.000	
2	Bùi Xuân Hình	2007	11A1	Đông Đạt, Phú Lương, Thái Nguyên	1					1	22.500	4	90.000	
3	Tô Quốc An	2006	11A1	Đông Đạt, Phú Lương, Thái Nguyên	1					1	22.500	4	90.000	
4	Phan Thanh Dương	2007	11A1	Phù Lý, Phú Lương, Thái Nguyên	1					1	22.500	4	90.000	
5	Hoàng Thị Cẩm Tú	2007	11A1	Phù Lý, Phú Lương, Thái Nguyên	1					1	22.500	4	90.000	
6	Lương Quốc Chung	2007	11A2	Yên Lạc, Phú Lương, Thái Nguyên	1					1	22.500	4	90.000	
7	Nông Văn Thuyền	2007	11A2	Yên Lạc, Phú Lương, Thái Nguyên	1					1	22.500	4	90.000	
8	Trúc Trung Nghĩa	2007	11A3	Yên Lạc, Phú Lương, Thái Nguyên	1					1	22.500	4	90.000	
9	Hoàng Thị Thu Hà	2007	11A5	Phù Lý, Phú Lương, Thái Nguyên	1					1	22.500	4	90.000	
10	Nhâm Thị Diễm Quỳnh	2007	11A6	Đông Đạt, Phú Lương, Thái Nguyên	1					1	22.500	4	90.000	
11	Bùi Thị Trà	2006	12A1	Phấn Mễ, Phú Lương, Thái Nguyên	1					1	22.500	4	90.000	
12	Đỗ Mạnh Thiệp	2006	12A1	Đông Đạt, Phú Lương, Thái Nguyên	1					1	22.500	4	90.000	
13	Phạm Đức Thiện	2006	12A1	Túc Tranh, Phú Lương, Thái Nguyên	1					1	22.500	4	90.000	
14	Nông Thị Ánh Quỳn	2006	12A2	Túc Tranh, Phú Lương, Thái Nguyên	1					1	22.500	4	90.000	
15	Hoàng Thị Ngọc Linh	2006	12A3	Văn Lăng, Đại Từ, Thái Nguyên	1					1	22.500	4	90.000	
Tổng cộng (I+II)					37	21	0	1	15				5.310.000	

(Số tiền bằng chữ: Năm triệu ba trăm mười nghìn đồng chẵn./)

(Tổng số: 37 học viên. Trong đó: Miễn 100%: 22 học viên; giảm 50%: 15 học viên)



DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024
TỈNH TỨ THÁNG 09 ĐẾN THÁNG 12 NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số: 8566/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2023 của UBND huyện Phú Lương)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Nơi cư trú	Tổng số đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập	Trong đó:				Số tiền/tháng	Số tháng được hưởng	Tổng tiền được hưởng	Ghi chú
						Đối tượng khuyết tật	Đối tượng hộ nghèo	Mô côi	Đối tượng ở thôn/bản DBKK, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi				
1	Phan Thị Hằng	2008	10A1	Ôn Lương, Phú Lương, Thái Nguyên	1		1			150.000	4	600.000	
2	Nguyễn Thành Long	2008	10A2	Ôn Lương, Phú Lương, Thái Nguyên	1		1			150.000	4	600.000	
3	Bùi Công Doanh	2008	10A2	Phù Lý, Phú Lương, Thái Nguyên	1		1			150.000	4	600.000	
4	Triệu Thị Mai Hoa	2008	10A3	Phúc Lương, Đại từ, Thái Nguyên	1		1			150.000	4	600.000	
5	Nguyễn Thị Hội	2008	10A4	Ôn Lương, Phú Lương, Thái Nguyên	1		1			150.000	4	600.000	
6	Nguyễn Phan Huân	2007	11A1	Ôn Lương, Phú Lương, Thái Nguyên	1		1			150.000	4	600.000	
7	Nhâm Anh Khôi	2007	11A1	Động Đạt, Phú Lương, Thái Nguyên	1		1			150.000	4	600.000	
8	Đoàn Thị nguyệt	2007	11A2	Vô Tranh, Phú Lương, Thái Nguyên	1		1			150.000	4	600.000	
9	Hoàng Mạnh Dũng	2007	11A2	Ôn Lương, Phú Lương, Thái Nguyên	1		1			150.000	4	600.000	
10	Ma Anh Hoàng	2006	11A3	Hợp Thành, Phú Lương, Thái Nguyên	1		1			150.000	4	600.000	
11	Tổng Thị Hương Giang	2007	11A3	Phúc Lương, Đại từ, Thái Nguyên	1		1			150.000	4	600.000	
12	Nguyễn Thị Mai Thương	2007	11A4	Ôn Lương, Phú Lương, Thái Nguyên	1		1			150.000	4	600.000	
13	Nguyễn Thị Thủy Linh	2007	11A4	Phù Lý, Phú Lương, Thái Nguyên	1		1			150.000	4	600.000	
14	Hoàng Chăm Anh	2007	11A4	Phấn Mễ, Phú Lương, Thái Nguyên	1		1			150.000	4	600.000	
15	Triệu Thị Hoa	2007	11A4	Động Đạt, Phú Lương, Thái Nguyên	1		1			150.000	4	600.000	
16	Vũ Minh Hùng	2007	11A4	Thị trấn Du, Phú Lương, Thái Nguyên	1		1			150.000	4	600.000	
17	Phạm Hoàng Lâm	2007	11A6	Phấn Mễ, Phú Lương, Thái Nguyên	1		1			150.000	4	600.000	
18	Lương Thị Yến Hạnh	2006	12A1	Yên Lạc, Phú Lương, Thái Nguyên	1		1			150.000	4	600.000	
19	Lý Minh Đức	2006	12A2	Hợp Thành, Phú Lương, Thái Nguyên	1		1			150.000	4	600.000	
20	Triệu Thị Diễm	2006	12A2	Ôn Lương, Phú Lương, Thái Nguyên	1		1			150.000	4	600.000	
21	Trần Cẩm Vân	2006	12A2	Ôn Lương, Phú Lương, Thái Nguyên	1		1			150.000	4	600.000	
22	Nguyễn Văn Hào	2007	11A5	Vô Tranh, Phú Lương, Thái Nguyên	1			1		150.000	4	600.000	
23	Đặng Thị Ngọc	2008	10A2	Vân Lăng, Đông Hỷ, Thái Nguyên	1				1	150.000	4	600.000	
24	Hoàng Vũ Trường	2006	12A2	Vân Lăng, Đông Hỷ, Thái Nguyên	1				1	150.000	4	600.000	
25	Hoàng Thị Ngọc Linh	2006	12A3	Vân Lăng, Đông Hỷ, Thái Nguyên	1				1	150.000	4	600.000	
26	Sầm Long Nhật	2006	12A3	Động Đạt, Phú Lương, Thái Nguyên	1				1	150.000	4	600.000	
Tổng số					26	0	21	1	4			15.600.000	

(Số tiền bằng chữ: Mười sáu triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn./)

Tổng số: 26 học viên (Trong đó: 21 học viên hộ nghèo, 01 học viên mồ côi, 04 học viên ở thôn/bản DBKK, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi)